TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39 /2019/HSST
Ngày 20 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Túc và ông Hà Vĩnh
Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sông Lô.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: Ông Dương Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2019/HSST ngày 22/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST - HS ngày 07/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thành D, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1995; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị Q, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 42/2017/HSST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 29/12/2018 chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2019. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

2. Họ và tên: Vũ Đô Th , sinh ngày 26 tháng 8 năm 1995; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2019. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

3. Họ và tên: Phùng Văn T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1990; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn V, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; vợ:

Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1985; con: có 03 con; tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 33 ngày 24/5/2017 Công an huyện Sông Lô xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Tuấn đã nộp phạt xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2019. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Sông Lô (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Tuấn: Bà Kim Hồng Th1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Người bị hại và là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại chị Phạm Thị Nguyệt: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn Cầu Gạo, xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt);

Người bị hại và là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại ông Nguyễn Thành Phương: Bà Bùi thị Q, sinh năm 1962; Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/5/2019 đến ngày 26/5/2019, Nguyễn Thành D, Phùng Văn T và Vũ Đô Th đã nhiều lần trộm cắp tài sản tại thôn C, xã T cụ thể:

Lần 1: Khoảng 20 giờ ngày 23/5/2019, D đang ở tại nhà thuộc thôn C, xã T cùng Vũ Đô Th, do không có tiền mua ma túy sử dụng nên D rủ Th trộm cắp 49 đoạn sắt phi 12 của bà Bùi Thị Q (mẹ đẻ D) để tại góc nhà bếp của gia đình đem bán, Th đồng ý. Sau đó Th đến nhà Phùng Văn T bảo T điều khiển xe mô tô Jupiter BKS: 88H8-4275 đến nhà D, D bảo T: "*Anh em mình trộm ít sắt của bố mẹ em đi bán lấy tiền chơi",* T đồng ý. Sau đó T đứng ngoài sân giữ xe mô tô cho Th và D khiêng số sắt này ra buộc dọc thân xe mô tô rồi T chở Th và D cùng số sắt đem bán cho anh Nguyễn Mạnh H ở thôn H, xã Nh, huyện Sông Lô được 230.000đ, cả ba mua ma túy cùng nhau sử dụng và tiêu xài hết số tiền này.

Lần 2: Khoảng 19 giờ 30 ngày 25/5/2019, D đang ở nhà cùng Th, do không có tiền mua ma túy sử dụng nên D tiếp tục rủ Thành trộm cắp 02 cánh cổng sắt của bà Q để ở thềm nhà bếp đem bán, Th đồng ý. Sau đó D và Th bảo T điều khiển xe mô tô trên đến nhà D, D nói với T: "*Anh em mình trộm 02 cánh cổng của bố mẹ em bán lấy tiền chơi",* T đồng ý. D lấy 01 xe cải tiến của bà Q dựng ở sân để T và Th khiêng 02 cánh cổng đặt lên trên thành xe cải tiến, sau đó D bảo Th và T: *"Chúng mày đứng đợi để tao xuống nhà anh Đ trộm thêm một số thứ nữa",* T và Th đồng ý. D cầm 01 xà beng dài 80,3cm và 01 đèn pin của bà Q đến nhà anh Nguyễn Thành Đ là anh trai D ở gần đó. Thấy cửa nhà bếp của anh Đ khóa ngoài nên D dùng xà beng bẩy làm cửa bếp bung khóa, đi vào bên trong bếp trộm cắp 02 máy bơm nước, 01 máy nén rửa xe, 01 bệ ruỗi sắt bằng kim loại và 01 cuộn dây điện dài 100m đem ra để ngoài đầu đốc nhà bếp của anh Đ. Sau đó D dùng tay lăn 01 cuộn sắt phi 6 nặng 140kg của anh Đ dựng ở gần đầu đốc nhà qua lối thông giữa nhà anh Đ và nhà D, về đến vị trí Thvà T đang đứng cảnh giới thì cùng nhau khiêng đặt lên xe cải tiến. T điều khiển xe mô tô chở Th, D kéo theo xe cải tiến chở các tài sản vừa trộm được đến bán cho anh H được 475.000đ, sau đó cả ba vào thị trấn Lập Thạch mua ma túy cùng nhau sử dụng, tiêu xài hết. Đối với 02 máy bơm, D và T đem bán cho anh H được

160.000đ cùng nhau tiêu xài hết, 01 cuộn dây điện D một mình đem bán cho anh H được 150.000đ. Đối với 01 bệ ruỗi sắt và 01 cục nén rửa xe, D đem về cất giấu tại buồng ngủ của gia đình, bà Q phát hiện đã giao nộp cho cơ quan điều tra.

Lần 3: Khoảng 08 giờ ngày 26/5/2019 T, Th và D đang ở nhà D thì lên cơn thèm ma túy nên D bảo Th và T trộm cắp chiếc xe cải tiến của bà Q đem bán, Th và T đồng ý. Sau đó T và Th kéo chiếc xe cải tiến này đến bán cho anh Nguyễn Văn H ở thôn M, xã Y, huyện Sông Lô được 450.000đ, T và Th mua 200.000đ ma túy về nhà D cùng nhau sử dụng. Số tiền còn lại T và D tiêu xài hết.

Ngày12/7/2019, ngày16/7/2019 và ngày 07/9/2019 Nguyễn Thành D, Vũ Đô Th và Phùng Văn T lần lượt đến Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Lô đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại kết luận định giá số 49 ngày 04/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sông Lô kết luận: 02 máy bơm nước trị giá 600.000đ, 01 máy nén rửa xe trị giá 300.000đ, 01 bệ máy ruỗi sắt trị giá 600.000đ, 01 cuộn sắt phi 6 trị giá 1.904.000đ và 01 cuộn dây điện trị giá 600.000đ. Tổng trị giá là 4.004.000đ.

Tại kết luận định giá số 52 ngày 18/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Sông Lô kết luận: 01 chiếc xe cải tiến trị giá 800.000đ, 49 đoạn sắt phi 12 trị giá 952.000đ và 02 cánh cổng sắt trị giá 280.000đ. Tổng trị giá 2.032.000đ.

Đối với anh Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Văn H khi mua các tài sản trên không biết do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các lần mua ma túy sử dụng, Th khai đều do Th mua của người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ tại thị trấn Lập Thạch nên không có cơ căn cứ điều tra làm rõ.

* Vật chứng vụ án thu giữ: 01 bệ ruỗi sắt, 01 máy nén rửa xe xác định của anh Đ, cơ quan điều tra đã trả lại anh Đ. 01 chiếc xà beng dài 80,3cm và 01 đèn pin của bà Q, Cơ quan điều tra đã trả lại bà Q. Đối với 01chiếc xe cải tiến, 01 cuộn dây điện, cuộn sắt 6, 02 máy bơm, 02 cánh cổng anh H và anh H1 đã bán cho người không rõ tên tuổi địa chỉ, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với chiếc xe mô tô Jupiter BKS: 88H8-4275 Tuấn dùng làm phương tiện phạm tội. T khai mua của anh Phùng Văn T1 ở xã T, quá trình điều tra chưa làm rõ được nên tách ra khi nào điều tra làm rõ xử lý sau.

* Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Bùi Thị Q yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường trị giá 01 chiếc xe cải tiến, 02 cánh cổng sắt và 49 đoạn sắt phi 12 tổng trị giá là 2.032.000đ. Anh Đ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường trị giá 01 cuộn sắt phi 6, 02 máy bơm nước và 01 cuộn dây điện tổng trị giá là 3.104.000đ. Đối với 01 máy nén rửa xe và 01 bệ máy ruỗi sắt, anh Đ đã nhận lại không đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT - VKS ngày 21/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố Nguyễn Thành D, Vũ Đô Th và Phùng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với các bị cáo D, Th và T giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D. Áp dụng; khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th và bị cáo T. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành D từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù. Bị cáo Vũ Đô Th từ 08 (tám) đến 10 (mười) tháng tù. Bị cáo Phùng Văn T từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sư: Tại phiên tòa người bị hại tự nguyện không đề nghị nên cần chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo T là bà Kim Hồng Th1 trợ giúp viên pháp lý bào chữa tại phiên tòa: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố đối với Phùng văn T là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên bị cáo T phạm tội khi nhận thức pháp luật còn hạn chế. Khi phạm tội chỉ mang tính chất vụ lợi cá nhân. Sau khi phạm tội bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi , bị cáo có tác động đến vợ của bị cáo đã bồi thường số tiền 600.000 đồng cho bị hại là bà Q; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phùng Văn T cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn với đề nghị của Viện kiểm sát là 06 đến 09 tháng tù để bị cáo yên tâm cải tạo. Bị cáo T là đối tượng hộ nghèo nên đề nghị xem xét cho bị cáo miễn án phí.

Tại phiên tòa người bị hại tự nguyện không đề nghị các bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại điện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; kết luận định giá, vật chứng thu giữ được cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã

được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 23/5/2019 đến ngày 26/5/2019, Nguyễn Thành D, Vũ Đô Th và Phùng Văn T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị Q, và anh Nguyễn Thành Đ đều tại thôn C, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng tài sản trộm cắp là 6.036.000đ.

Hội đồng xét xử khẳng định:Hành vi phạm tội nêu trên của Nguyễn Thành D, Vũ Đô Thvà Phùng Văn T đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho chủ sở hữu tài sản không yên tâm trong việc quản lý tài sản của mình. Bản thân các bị cáo có tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu khó lao động chân chính mà vì động cơ tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả và pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Dương là người khởi xướng và cùng bị cáo Tuấn, Thành thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Năm 2017 bị cáo T bị công an huyện Sông Lô ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo D có 01 tiền án, bị cáo Th không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T và bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự ra đầu thú tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa người bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Th và T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hai bị cáo đã có tác động đến vợ và mẹ đẻ bồi thường thiệt hại cho bà Quý nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo D, Th và T làm nghề tự do, không có thu nhập, công việc ổn định cũng như không có tài sản nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại bà Q xác nhận vợ bị cáoT và mẹ đẻ bị cáo Th sau khi có tác động của các bị cáo đã bồi thường cho bà Q tổng số tiền là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa mặc dù đã được hội đồng xét xử giải thích về quyền được đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, yêu cầu bồi thường nhưng vì giữa bị hại và bị cáo có mối quan hệ gia đình là mẹ con, anh em ruột và là người cùng xã nên bà Q, anh Đ đều tự nguyện không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về giá trị tài sản bị mất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Jupiter BKS: 88H8-4275 T dùng làm phương tiện phạm tội. T khai mua của anh Phùng Văn T1 ở xã T, quá trình điều tra chưa làm rõ được nên tách ra khi nào điều tra làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành D và Vũ Đô Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phùng Văn T là cá nhân hộ nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành D, Vũ Đô Th và Phùng Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành D 01(một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2019.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đô Th 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/7/2019.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/9/2019.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23;Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Nguyễn Thành D, Vũ Đô Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phùng Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về thời hạn kháng cáo: Các bị cáo, những người bị hại và là người đại diện theo ủy quyền của người bị hại chị Phạm Thị Nguyệt và ông Nguyễn Thành Phương có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô;
-Công an huyện Sông Lô;
-Uỷ ban nhân dân xã Tân Lập;
-Bị cáo;
-Lưu hs; Vp.

Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khương Đặng Khánh Hằng